TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-PT
Ngày: 22-01-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố BT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 292/2018/QĐPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Duy P, sinh năm 1989, cư trú tại: Số nhà 676, ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Vũ Duy L, sinh năm 1985, cư trú tại: Số nhà 33, đường K, Phường U, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là: Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1989, cư trú tại: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25/6/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1985, cư trú tại: Số nhà 143B1, đường K, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Minh N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Phạm Vũ Duy L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Duy P trình bày:

Ngày 24/02/2017, ông L có vay của ông 20.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng từ ngày 24/02/2017 đến ngày 24/3/2017, lãi suất thỏa thuận. Từ ngày 24/3/2017 đến ngày 24/3/2018, ông L đã đóng tiền lãi được 13 tháng với lãi suất 2%/tháng với số tiền là 400.000 đồng/tháng x 13 tháng = 5.200.000 đồng.

Ngày 02/6/2017, ông L vay 15.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng từ ngày 02/6/2017 đến ngày 02/7/2017, lãi suất thỏa thuận. Từ ngày 02/7/2017 đến ngày 02/3/2018, ông L đã đóng tiền lãi được 09 tháng với lãi suất 2%/tháng với số tiền là 300.000 đồng/tháng x 09 tháng = 2.700.000 đồng.

Ngày 05/10/2017, ông L vay 10.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng từ ngày 05/10/2017 đến ngày 05/11/2017, lãi suất thỏa thuận. Từ ngày 05/11/2017 đến ngày 05/3/2018, ông L đã đóng tiền lãi được 05 tháng với lãi suất 2%/tháng với số tiền là 200.000 đồng/tháng x 05 tháng = 1.000.000 đồng.

Ngày 23/10/2017, ông L vay của ông 20.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng từ ngày 23/10/2017 đến ngày 23/11/2017, lãi suất thỏa thuận. Từ ngày 23/11/2017 đến ngày 23/3/2018, ông L đã đóng tiền lãi cho ông được 05 tháng với lãi suất 2%/tháng với số tiền là 400.000 đồng/tháng x 05 tháng = 2.000.000 đồng.

Ngày 10/11/2017, ông L vay của ông 20.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng từ ngày 10/11/2017 đến ngày 10/12/2017, lãi suất thỏa thuận. Từ ngày 10/12/2017 đến ngày 10/3/2018, ông L đã đóng tiền lãi cho ông được 04 tháng với lãi suất 2%/tháng với số tiền là 400.000 đồng/tháng x 04 tháng = 1.600.000 đồng.

Ngày 16/01/2018, ông L vay của ông 15.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng từ ngày 16/01/2018 đến ngày 16/02/2018, lãi suất thỏa thuận. Từ ngày 16/02/2018 đến ngày 16/3/2018, ông L đã đóng tiền lãi cho ông được 02 tháng với lãi suất 2%/tháng với số tiền là 300.000 đồng/tháng x 02 tháng = 600.000 đồng.

Ngày 26/02/2018, ông L vay của ông 50.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng từ ngày 26/02/2018 đến ngày 26/3/2018, lãi suất thỏa thuận. Ngày 26/3/2018, ông L đã đóng tiền lãi cho ông được 01 tháng với lãi suất 2%/tháng, số tiền là 1.000.000 đồng/tháng x 01 tháng = 1.000.000 đồng.

Ngày 07/3/2018, ông L có vay của ông 75.000.000 đồng, thời hạn là 10 ngày, lãi suất 2% tháng. Đến nay, ông L chưa trả tiền vốn và tiền lãi.

Các lần mượn tiền trên, hai bên đều có lập hợp đồng cho vay tiền, hai bên cùng ký tên xác nhận.Tất cả các hợp đồng đã quá hạn nhưng ông L không trả cho ông số tiền trên nên ông khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền là 225.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, ngày 19/3/2018, ông L vay tiếp của ông 125.000.000 đồng, thời hạn 07 ngày từ ngày 19/3/2018 đến ngày 26/3/2018, lãi suất thỏa thuận. Hai bên có lập hợp đồng và có công chứng tại Phòng công chứng Kim Cương. Ngày 26/3/2018, ông L đã đóng tiền lãi được 07 ngày với lãi suất 0,5%/tuần số tiền là 625.000 đồng/tuần x 01 tuần = 625.000 đồng. Bà T là người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà N là vợ ông L cho rằng bà N đã trả thay cho ông L đủ số tiền này theo hợp đồng giao nhận tiền ngày 18/5/2018, ông đồng ý, ông rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 125.000.000 đồng trong hợp đồng mượn tiền ngày 19/3/2018. Đối với số tiền 125.000.000 đồng không có biên nhận, khi có yêu cầu ông sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Vũ Duy L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Cẩm T trình bày:

Ông L thừa nhận có mượn tiền của ông P theo các hợp đồng mà ông P đã cung cấp cho Tòa án, ông L đã trả vốn và lãi cho ông P chỉ còn nợ lại 125.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 18/5/2018, vợ ông L là bà N có trả đủ số tiền 125.000.000 đồng cho ông P theo hợp đồng mượn tiền ngày 19/3/2018. Hai bên có lập hợp đồng giao nhận tiền ngày 18/5/2018 có công chứng tại Phòng công chứng K. Ngoài ra, ở mặt sau của hợp đồng này, ông P còn ghi rõ từ nay ông L không còn nợ ông P nữa, không khiếu nại gì nữa. Điều này chứng tỏ đến ngày 18/5/2018, ông L đã trả tất nợ cho ông P và không còn nợ ông P bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, ông L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P. Đối với số tiền lãi mà ông L đã đóng cho ông P, ông L không có yêu cầu và không khiếu nại gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh N trình bày:

Ngày 18/5/2018, bà có trả đủ số tiền 125.000.000 đồng thay ông L cho ông P theo hợp đồng mượn tiền ngày 19/3/2018. Hai bên có lập hợp đồng giao

nhận tiền ngày 18/5/2018 có công chứng tại Phòng công chứng K. Mặt sau hợp đồng này, ông P còn ghi rõ từ nay ông L không còn nợ ông P nữa, không khiếu nại gì nữa và ký tên xác nhận. Ngoài ra, việc vay mượn tiền giữa ông P và ông L, bà không biết nên không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố BT đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy P đối với các hợp đồng cho vay tiền ngày 24/02/2017, ngày 02/6/2017, ngày 05/10/2017, ngày 23/10/2017, ngày 10/11/2017, ngày 16/01/2018, ngày 26/02/2018, ngày 07/3/2018 giữa ông Trần Duy P và ông Phạm Vũ Duy L.

Buộc ông Phạm Vũ Duy L trả cho ông Trần Duy P số tiền gốc là 225.000.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng theo các hợp đồng cho vay tiền ngày 24/02/2017, ngày 02/6/2017, ngày 05/10/2017, ngày 23/10/2017, ngày 10/11/2017, ngày 16/01/2018, ngày 26/02/2018, ngày 07/3/2018 giữa ông Trần Duy P và ông Phạm Vũ Duy L. Ghi nhận việc ông Trần Duy P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 225.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy P về việc yêu cầu ông Phạm Vũ Duy L trả số tiền 125.000.000 đồng theo hợp đồng mượn tiền ngày 19/3/2018 giữa ông Trần Duy P và ông Phạm Vũ Duy L.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/11/2018, bị đơn ông Phạm Vũ Duy L kháng cáo yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố BT không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các bên đương sự thống nhất về việc ông L có vay tiền của ông P các lần với số tiền cụ thể như sau:

Ngày 24/02/2017, ông L vay 20.000.000 đồng;

Ngày 02/6/2017, ông L vay 15.000.000 đồng;

Ngày 05/10/2017, ông L vay 10.000.000 đồng;

Ngày 23/10/2017, ông L vay 20.000.000 đồng;

Ngày 10/11/2017, ông L vay 20.000.000 đồng;

Ngày 16/01/2018, ông L vay 15.000.000 đồng;

Ngày 26/02/2018, ông L vay 50.000.000 đồng;

Ngày 07/3/2018, ông L có vay 75.000.000 đồng;

Ngày 19/3/2018, ông L vay tiếp 125.000.000 đồng;

Các lần vay tiền nêu trên hai bên đều lập hợp đồng vay tiền. Nguyên đơn trình bày, do các hợp đồng vay đã đến hạn mà ông L không trả tiền nên ông yêu cầu ông L phải trả cho ông số tiền 350.000.000 đồng, tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông P rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông L trả khoản nợ vay ngày 19/3/2018. Phía bị đơn thì cho rằng đã trả tất nợ nên không còn nợ tiền của ông P nữa.

[2] Theo chứng cứ nguyên đơn giao nộp là 09 hợp đồng vay mà ông L đã vay của ông P với tổng số tiền là 350.000.000 đồng, các hợp đồng này đều xác định thời hạn vay một tháng, trong đó chỉ có hợp đồng vay ngày 07/3/2018 thời hạn là 10 ngày và hợp đồng vay ngày 19/3/2018 là 07 ngày. Theo đó, nếu tính thời gian thì ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Như vậy, bắt đầu từ hợp đồng đầu tiên ngày 24/02/2017 đến hợp đồng sau cùng ngày 19/3/2018 là hơn một năm ông L đã vi phạm nhưng ông P vẫn tiếp tục cho vay với số tiền nhiều hơn mà không gia hạn những hợp đồng đã ký trước đó. Trong khi đó, chứng cứ ông L cung cấp là hợp đồng lập ngày 18/5/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng K thể hiện bà N trả thay cho ông L số tiền 125.000.000 đồng, mặt sau của hợp đồng này do ông P ghi có nội dung: " Tôi Trần Duy P có nhận đủ số tiền 125.000.000 đồng từ cô Nguyễn Thị Minh N trả thay cho anh Phạm Vũ Duy L từ nay anh L không còn nợ tôi nữa, cũng không khiếu nại gì". Như vậy, có căn cứ xác định tất cả 08 hợp đồng mà ông P đã khởi kiện với số tiền 225.000.000 đồng ông L đã trả xong và hợp đồng ngày 19/3/2018 với số tiền vay 125.000.000 đồng thì bà N đã trả thay ông L bằng hợp đồng lập ngày 18/5/2018.

Do đó, việc ông P căn cứ vào các hợp đồng mà ông L đã ký trước đó để yêu cầu ông L trả nợ là không phù hợp. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông L trả số tiền 225.000.000 đồng làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre, đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí là 11.250.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.750.000 đồng theo hai biên lai thu tạm ứng án phí số 0017317 ngày 04/6/2018 và số 0019694 ngày 26/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Ông P còn phải nộp tiếp số tiền 2.500.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông Phạm Vũ Duy L không phải chịu án phí.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông L là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021718 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Vũ Duy L;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy P về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Phạm Vũ Duy L.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông P phải chịu án phí là 11.250.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.750.000 đồng theo hai biên lai thu tạm ứng án phí số 0017317 ngày 04/6/2018 và số 0019694 ngày 26/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Ông P còn phải nộp tiếp số tiền 2.500.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Vũ Duy L không phải chịu. Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông L là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021718 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố BT;
- Chi cục THADS thành phố BT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng